

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

**ĐẶC ĐIỂM NGỮ PHÁP - NGỮ NGHĨA CỦA TỪ “ĐÃ”
ĐỖ PHƯƠNG LÂM***

TÓM TẮT: Trong tiếng Việt có nhiều hư từ có khả năng chuyển đổi linh hoạt về chức năng ngữ pháp, trong đó có *đã*. *Đã* là một hư từ có khả năng làm phó từ, trợ từ và liên từ. *Đã* thường tham gia vào cấu tạo các cụm từ cố định như thành ngữ, quán ngữ. Bài viết này miêu tả những đặc trưng ngữ pháp - ngữ nghĩa của hư từ *đã*.

TỪ KHÓA: *đã*; hư từ; phó từ; trợ từ; liên từ; những đặc trưng ngữ pháp - ngữ nghĩa.

NHẬN BÀI: 22/12/2023.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 05/02/2024

1. Mở đầu

Chuyển loại là một hiện tượng phổ biến của từ trong mọi ngôn ngữ và được coi là phương thức chuyển nghĩa, thậm chí là phương thức tạo từ. Trong tiếng Việt, hiện tượng chuyển loại của từ diễn ra ở các từ loại, chẳng hạn, chuyển từ từ loại của thực từ sang từ loại của hư từ và ngược lại, chuyển loại trong nội bộ thực từ (ví dụ, động từ chuyển sang danh từ, tính từ, v.v.), trong nội bộ hư từ (phó từ chuyển sang trợ từ, v.v.).

Đối với tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập, do từ không biến đổi hình thái nên nếu chỉ dựa vào hình thức ngữ âm thì không thể nhận diện được từ loại của những từ đa từ loại, mà phải căn cứ vào trường hợp sử dụng cụ thể (tức là ngữ nghĩa). Vì thế, bài viết này phân tích sự chuyển loại của *đã* gắn với đặc điểm ngữ pháp - ngữ nghĩa.

2. Nội dung

Đã là một hư từ hết sức thông dụng, có tần suất hoạt động cao trong tiếng Việt. Tuy vậy, việc chỉ rõ các vai trò ngữ pháp cũng như giá trị ngữ nghĩa mà nó biểu thị không phải lúc nào cũng rõ ràng. Chẳng hạn, mục từ *đã* trong *Từ điển tiếng Việt* [2014, tr.369] hiện nay chưa chú giải đầy đủ những đặc trưng ngữ pháp - ngữ nghĩa của từ. Chúng tôi hi vọng sẽ miêu tả đầy đủ hơn về những đặc trưng đó trong bài viết này.

2.1. “Đã” là phó từ

Đã thường được biết đến bởi đặc trưng ngữ pháp cơ bản là một phó từ biểu thị thời gian quá khứ... Tiếng Việt có các hình thức biểu thị thì quá khứ của hành động hay trạng thái như:

- Dùng phó từ *đã*. Ví dụ:

(1) Anh ấy đã có gia đình.

- Dùng phó từ *rồi*. Ví dụ:

(2) Anh ấy có gia đình rồi.

- Dùng *đã* kết hợp với *rồi*. Ví dụ:

(3) Anh ấy đã có gia đình rồi.

- Dùng phó từ *từng*. Ví dụ:

(4) Anh ấy từng có gia đình.

- Dùng phó từ *nguyên*. Ví dụ:

(5) Bà ta nguyên xuất thân từ một nhà nghèo, nhưng biết tính toán nên trở thành người giàu có trong nghề kinh doanh. [dẫn lại]

*TS; Trường Đại học Hải Phòng; Email: lamdp@dhhp.edu.vn

- Hình thức không dùng phó từ thời gian:

Năm ngoái, anh ấy Ø đạt giải Sao Mai.

Trong 6 hình thức trên thì hình thức dùng phó từ *đã* để biểu thị thời quá khứ của hành động hoặc trạng thái là tiêu biểu nhất, thường dùng nhất. Sự phân biệt phó từ *đã* với các phó từ chỉ thời quá khứ *rồi, từng* và *nguyên* là ở các đặc điểm:

- *Đã* luôn đứng trước, *rồi* luôn đứng sau từ trung tâm mà chúng phụ nghĩa.

- *Đã* là phó từ biểu thị ý nghĩa thời gian có tính quá trình; *từng* và *nguyên* biểu thị ý nghĩa thời gian có tính thời điểm; *nguyên* có chức năng dẫn về cái gốc ban đầu của sự vật, sự việc, về cái vốn dĩ. Ví dụ: nếu nói “*Anh ấy đã là giám đốc từ lúc thành lập công ty đến nay*” thì có nghĩa là sự tình được nói đến đã diễn ra trong quá khứ và vẫn tiếp diễn đến hiện tại và tương lai. Nhưng nếu nói: “*Anh ấy từng/nguyên là giám đốc...*” thì sự tình ấy đã kết thúc trong quá khứ.

2.2. “*Đã*” là trợ từ

Đã còn được dùng để diễn tả hành động/ trạng thái xảy ra trước một mốc nào đó trong tương lai. Ở trong những trường hợp ấy, *đã* luôn hàm chứa ý nghĩa biểu thị thái độ nhấn mạnh hoặc sự đánh giá của người nói về sự tình được nói đến. Thử so sánh hai câu sau:

(6) *5 năm nữa, con tôi sẽ đi làm.*

(7) *5 năm nữa, con tôi đã đi làm.*

Cả hai câu trên đều nói về một sự tình trong tương lai. Câu (6) diễn tả thì tương lai đơn thuần. Câu (7) diễn tả nhận định chủ quan của người nói: 5 năm nữa là thời điểm người con đã trưởng thành và có thể đi làm được rồi. Ý nghĩa đánh giá ấy là do từ *đã* mang lại. Như vậy, *đã* trong câu (6) không còn là phó từ chỉ thời nữa, nó đã chuyển loại thành trợ từ. Xét thêm ví dụ sau:

(8) *Ngày mai đã chủ nhật rồi.* [dẫn lại]

(9) *Vừa mới nghỉ hè, thoáng một cái lại đã khai giảng.* [dẫn lại]

Trong câu (8) Nguyễn Tài Căn (1975) cho rằng, rất khó mà gọi tên cái chức vụ cú pháp mà *đã* đảm nhiệm là gì, chủ tố, vị tố, bổ tố, trạng tố hay định tố? [tr.263].

Trong câu (9), Đinh Văn Đức (2012) khẳng định: “*đã* được dùng chủ yếu như một phương tiện tình thái (nhấn mạnh)”.

Khi cần nhấn mạnh ý nghĩa: thời gian trôi đi nhanh quá, điều không mong mỏi đến nhanh quá hoặc điều sẽ diễn ra trong tương lai là không mong muốn, là ngoài chủ ý của người nói thì người ta dùng *đã* như một trợ từ.

Trong ngôn ngữ nghệ thuật thời gian thường mang tính ước lệ:

(10) “*Vì mai đã xa nhau thật rồi...*” (Lời bài hát *Bình minh sẽ mang em đi*)

(11) “*Mai tôi đã rời xa núi đồi, sẽ mang theo hương đêm ngày cũ.*” (Lời bài hát *Phố mùa đông*)

Trong ví dụ (10) và (11): mặc dù thời gian trong câu hát thuộc về tương lai (“*mai*”) nhưng hai hành động của nhân vật “*tôi*”: “*rời xa*”... và “*mang theo*”... lại gắn kèm với hai từ biểu thị ý nghĩa trái ngược về thời gian *đã* và *sẽ*. Có thể nhận thấy ở đây, chỉ có từ *sẽ* mới là phó từ biểu thị ý nghĩa thời gian tương lai. *Đã* là trợ từ, có vai trò nhấn mạnh ý nghĩa: thời gian đến nhanh quá, khiến cho “*tôi*” phải rời xa núi đồi (đầy kỉ niệm, đầy thương mến) và vì sự luyến tiếc ấy mà “*tôi*”... “*mang theo hương đêm ngày cũ*”.

Bên cạnh những ý nghĩa vừa nêu, trợ từ *đã* còn biểu thị ý nghĩa cầu khiến như:

(12) *Học xong bài đã rồi hãy đi chơi.*

(13) *Làm tốt công việc đi đã, rồi hãy nghĩ đến chuyện hưởng thụ.*

2.3. “Đã” là liên từ

Hiện nay, các tài liệu nghiên cứu tiếng Việt mới nói về chức năng làm phó từ và trợ từ của đã. Nhưng đã còn thường làm liên từ để nối các vế của câu ghép. Đó là những trường hợp sau:

a) Biểu thị quan hệ thời gian kế tiếp: các vế nối với nhau bằng cặp liên từ vừa... đã... Ví dụ:

(14) *Run rẩy cất bát cháo, anh vừa mới kể vào đến miệng, cai lệ và người nhà lí trưởng đã sầm sập tiến vào với những roi song, tay thước và dây thừng.* [Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*]

b) Biểu thị quan hệ tương phản (đối lập): các vế nối với nhau bằng các cặp liên từ:

Cặp liên từ: chưa... đã... Ví dụ:

(15) *Chưa đến chợ đã hết tiền.* (thành ngữ mới)

(16) *Chưa nói xong đã cãi xong.* (thành ngữ mới)

(17) *Chưa đỗ ông nghè đã đe hàng tổng.* (thành ngữ)

Các thành ngữ có cấu trúc chưa... đã... thường mang ý nghĩa phê phán, chế giễu.

- Cặp liên từ: đã... lại; đã... còn...; đã... lại còn; đã... mà còn... Ví dụ:

(18) *Đã xấu lại xa. Đã si-đa còn xông pha hiểm máu.”* (thành ngữ mới)

(19) *Đã ngu còn tỏ ra nguy hiểm.* (thành ngữ mới)

c) Biểu thị quan hệ tăng tiến hoặc quan hệ bổ sung:

- Dùng cặp liên từ đã... lại còn; đã... mà còn; đã... vẫn Ví dụ:

(20) *Đã viết tiểu thuyết lại còn làm thơ.* [dẫn lại]

d) Biểu thị quan hệ giả thiết - kết quả: thường dùng cặp liên từ đã... thì...

(21) *“Đã uống rượu thì không lái xe, Đã lái xe thì không uống rượu.”* [Khẩu hiệu của ngành giao thông]

(22) *“Đã máu thì đừng hỏi bố cháu là ai”* (thành ngữ mới)

e) Biểu thị quan hệ nguyên nhân - kết quả:

(23) *“Đã mang lấy nghiệp vào thân,
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.”*

[Nguyễn Du, *Truyện Kiều*]

Như vậy, đã là một liên từ xuất hiện trong nhiều kiểu câu ghép chính phụ cũng như đẳng lập của tiếng Việt. Trong đó, liên từ đã đặc biệt ưa dùng trong các kết hợp chặt, hay nói cách khác là ưa dùng để cấu tạo các thành ngữ, quán ngữ. Trong các ngữ cố định này, đã thường biểu thị ý nghĩa “sự đã rồi”, không thể thay đổi, v.v.

2.4. “Đã” với tư cách là yếu tố tình thái

Ngoài ra, đã còn tham gia vào cấu tạo các quán ngữ hoặc các mô hình cấu trúc mà ở đó vai trò của nó được xác định như một yếu tố tình thái.

Trong các quán ngữ biểu thị sự thách thức như: “thì đã sao”, “đã làm sao”, đã là yếu tố nhấn mạnh.

Cũng với vai trò biểu thị ý nhấn mạnh, đã còn tham gia cấu tạo các cấu trúc:

Cấu trúc biểu thị ý nghi vấn về kết quả của việc thực hiện hành động hay kết quả của một sự việc nào đó: *Chắc gì + (đại từ) + đã + động từ/tính từ?* Ví dụ:

(24) *Anh khuyên chắc gì cô ấy đã đồng ý.*

(25) *Làm thế chắc gì Ồ đã được.*

Cấu trúc biểu thị ý mỉa mai, chê bai, chế nhạo: *đã + (cụm) tính từ + chưa?* Ví dụ:

Đã đẹp mặt chưa? Đã trắng mắt ra chưa? Đã sung sướng chưa?

3. Kết luận

Những phân tích trên đây cho thấy *đã* là một hư từ có cách dùng khá phức tạp và cũng rất thú vị của tiếng Việt. Hiểu rõ những đặc trưng ngữ pháp, ngữ nghĩa của *đã* sẽ giúp ích cho việc nói đúng, viết đúng và ứng dụng vào việc dạy học tiếng Việt nói chung, cho người nước ngoài riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tài Cẩn (1975), *Ngữ pháp tiếng Việt: Tiếng - Từ ghép - Đoản ngữ*, Nxb Đại học & THCN, Hà Nội.
2. Đinh Văn Đức (2012), “Thời và thể trong tiếng Việt: nhìn từ hai phía ngữ pháp và tình thái”, Tạp chí *Từ điển học & Bách khoa thư*, Số 5 (19), Hà Nội.
3. Cao Xuân Hạo (1998), “Về ý nghĩa thì và thể trong tiếng Việt”, Tạp chí *Ngôn ngữ* (5), tr.1-31.
4. Đỗ Phương Lâm (2014), *Hư từ Hán Việt trong tiếng Việt*, Luận án tiến sĩ ngữ văn, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Trần Kim Phụng (2005), “Ý nghĩa thời, thể, tình thái của phó từ đang và cách sử dụng nó trong tiếng Việt”. Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 1, tr.21-30.
6. Trần Kim Phụng (2004), “Phụ từ “đã” và việc biểu thị ý nghĩa thời trong tiếng Việt”. Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 5, tr.30-34.
7. Nguyễn Anh Quế (1988), *Hư từ trong tiếng Việt hiện đại*, Nxb Khoa học xã hội.
8. Trung tâm từ điển học (2014), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng - Trung tâm từ điển học, Hà Nội.
9. Phạm Hùng Việt (2003), *Trợ từ trong tiếng Việt hiện đại*, Nxb Khoa học xã hội.

Grammatical-semantic characteristics of function word “*đã*”

Abstract: In Vietnamese, there are many function words that can be flexibly converted into grammatical functions, including *đã*. *Đã* is a function word that can be used as an adverb, particle and conjunction. *Đã* often engaged composed of phrase as idiom, locution. This article describes the grammatical- semantics features of the word "*đã*".

Key words: *đã*; function word; adverb; particle; conjunction; grammatical- semantics features.